

Bản tin chứng khoán

Trong số này

Nhận định **P.1**

Bộ lọc CP **P.2**

Note doanh nghiệp **P.3**

Kết quả kinh doanh Q2 **P.5**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VNM	25.3
SBT	25.3
GMD	24.0
HDB	21.3
BID	15.6
STB	15.5
DXG	9.6
MSN	4.6
VC3	4.6
HVN	3.8
SSI	3.4
BSR	(6.3)
GAS	(7.1)
VJC	(8.6)
PVS	(9.9)
HSB	(10.3)
VCB	(10.9)
VPI	(12.5)
HPG	(37.3)
VIC	(97.0)

Thị trường duy trì sắc xanh hầu hết thời gian giao dịch trong phiên. Chỉ số Vnindex tăng nhẹ gần 2 điểm thể hiện đúng trạng thái cân bằng của các cổ phiếu trên sàn. Đây là chuỗi tăng hơn 27 điểm qua 5 phiên liên tiếp bất chấp thị trường quốc tế có những đợt chao đảo rất mạnh. Thật ra ở một số phiên chỉ số Vnindex đã có cơ hội bức phá điểm số cao hơn nhưng luôn có sự bù trừ lẫn nhau ở nhóm cổ phiếu lớn.

Trong phiên giao dịch hôm nay nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục là nhóm ngành nổi bật nhất với nhiều cổ phiếu tăng mạnh như TPB, VPB, HDB và ACB. Đây là những cổ phiếu mà cổ đông lớn liên tục công bố mua vào cổ phiếu sau khi giá đã giảm quá sâu. Nhóm ngân hàng cũng là nhóm ngành góp phần lớn cho sự ổn định chỉ số index trong mấy ngày qua. Một số cổ phiếu đã phục hồi từ 5% - 15% tuy nhiên vẫn chưa đáng kể và khả năng xu hướng này còn tiếp tục.



Trong phiên cuối tuần thị trường sẽ gặp lại ngưỡng cản gần nhất 925 – 930. Khả năng Vnindex vẫn sẽ chưa thể bức phá khỏi vùng này mà còn chờ thêm nhiều tín hiệu hỗ trợ khác vì vậy khả năng mức độ dao động vẫn sẽ duy trì như hiện tại và nếu lạc quan có thể tiếp cận gần hơn ngưỡng 930. Một số cổ phiếu quan tâm tiếp tục nắm giữ và có thể lướt sóng ngắn hạn: VPB, PVS, ACB, STB, CTD, FPT, VNM.

Vnindex 924.42

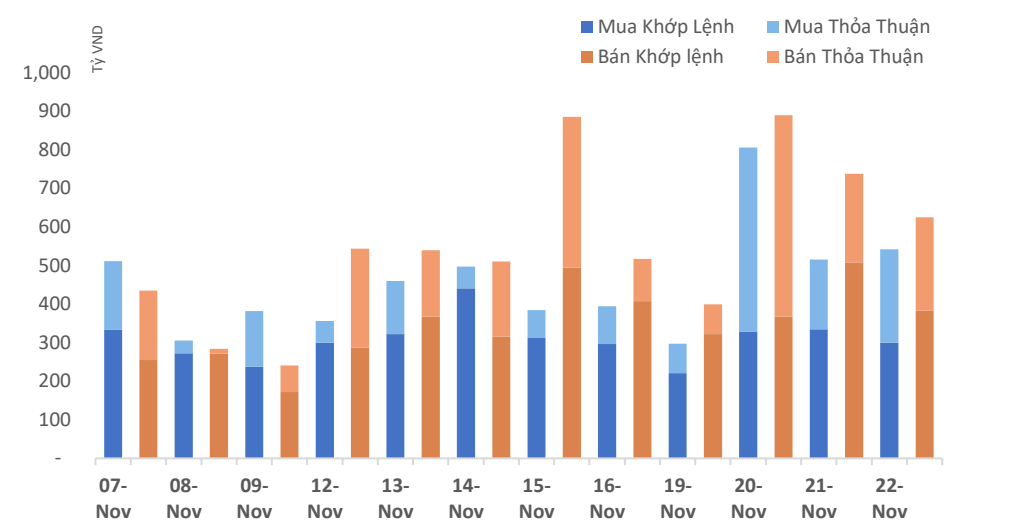
▲ +1.86 (+0.20%)

Biến động Big Cap

CP	Vốn hóa	Giá	%
TPB	18,710	28.1	4.46
VPB	55,154	22.5	2.98
BVH	67,425	96.2	2.34
HDB	30,215	30.8	1.82
VHM	257,913	77.0	1.58
STB	22,365	12.4	1.22
MWG	27,699	85.8	1.18
MSN	95,378	82.0	0.99
PNJ	15,630	96.4	0.94
DHG	11,140	85.2	0.83
VNM	209,145	120.1	0.76
VIC	312,779	98.0	0.72
NVL	61,897	67.7	0.15
VJC	69,380	128.1	0.08
CTD	12,003	153.5	-
TCB	92,660	26.5	-
BHN	19,239	83.0	-
FPT	26,628	43.4	-
SAB	155,190	242.0	-
PLX	67,211	58.0	-
ROS	20,689	36.5	(0.14)
HNG	14,500	16.4	(0.30)
REE	10,077	32.5	(0.31)
EIB	16,536	13.5	(0.37)
BID	108,886	31.9	(0.47)
KDH	12,214	29.5	(0.51)
MBB	45,802	21.2	(0.70)
GAS	178,380	93.2	(0.75)
SSI	14,301	28.7	(0.87)
VRE	72,892	31.3	(0.95)
VCB	197,158	54.8	(1.08)
CTG	85,452	23.0	(1.50)
HPG	76,036	35.8	(1.92)

Khối ngoại trong phiên bán ròng khoảng 83 tỷ đồng và là phiên bán ròng thứ 9 liên tiếp với tổng giá trị gần 1,400 tỷ đồng. Các cổ phiếu bán ròng nhiều nhất trong chuỗi bán ra thời gian vừa qua tập trung ở VIC (hơn 1000 tỷ trong 9 phiên GD), VCG (181.3 tỷ), VCB (143 tỷ) và HPG (76.8 tỷ).

Trong phiên giao dịch hôm nay khối ngoại mua ròng một số cổ phiếu VNM (25.3 tỷ), SBT (25 tỷ), GMD, HDB, BID và STB. VIC hôm nay bán ròng thêm 97 tỷ.



Tin giá USD: Theo một báo cáo nhận định vừa công bố gần đây của Citigroup, đồng USD sẽ giảm giá khoảng 2% so với nhóm 10 đồng tiền chủ chốt khác trong 6-12 tháng nữa, sau khi tăng 1% trong 3 tháng tới đây. Các nhà phân tích thực hiện bản báo cáo nói rằng tăng trưởng tuyệt đối và sự vượt trội tương đối mang tính chu kỳ của kinh tế Mỹ so với các nền kinh tế khác sẽ giảm dần và lợi thế về lợi suất của đồng USD so với các đồng tiền khác cũng sẽ giảm độ bền vững.

"Trong trung hạn, quan điểm của chúng tôi là sự hậu thuẫn tài khóa đối với tăng trưởng sẽ giảm dần ở Mỹ, và chính sách tiền tệ thắt chặt bắt đầu có ảnh hưởng bất lợi", báo cáo viết.

Năm nay, đồng USD đã tăng giá so với nhóm 10 đồng tiền chủ chốt, nhờ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) nâng lãi suất và lợi nhuận khả quan của các công ty Mỹ đẩy thị trường chứng khoán Phố Wall lên mức cao kỷ lục.

Dự báo của Citigroup về tỷ giá đồng USD đạt đỉnh trong năm 2019 tương tự quan điểm của các ngân hàng đầu tư lớn khác, gồm Morgan Stanley và Goldman Sachs.

Trong một báo cáo công bố tuần trước, ông Hans Redeker, trưởng bộ phận chiến lược ngoại hối toàn cầu của ngân hàng Morgan Stanley, nói rằng cuộc tăng giá của đồng USD đã đi đến hồi kết và giờ là lúc bán ra đồng tiền này.



Tình hình lợi nhuận DN 9 Tháng 2018

	Số Cty	Lợi nhuận
Số công ty công bố	931	
- Số DN báo lãi	787	
- Số DN báo lỗ	126	
Tổng lợi nhuận 9T 2018 Tỷ VND		191,142
Tổng lợi nhuận 9T 2017 Tỷ VND		151,173
% Tăng/(Giảm)		26.4%

Thống kê lợi nhuận Quý 9T 2018 theo ngành

Ngành	Số DN	Vốn Hóa	Lợi nhuận sau thuế (*)		+/- Tỷ VND	Tăng trưởng %
			9T.2017	9T.2018		
			Tỷ VND	Tỷ VND		
Bán lẻ	18	47,516	2,172.4	2,748.3	575.90	26.5%
Bảo hiểm	10	86,266	2,533.3	1,864.6	(668.70)	-26.4%
Bất động sản	89	824,768	12,819.3	25,365.7	12,546.40	97.9%
Công nghệ Thông tin	21	31,326	1,743.3	2,095.4	352.10	20.2%
Dầu khí	7	149,453	8,474.5	8,467.0	(7.50)	-0.1%
Dịch vụ tài chính	35	54,432	3,476.7	4,517.6	1,040.90	29.9%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	82	310,342	13,134.7	16,610.7	3,476.00	26.5%
Du lịch và Giải trí	30	140,746	5,816.7	6,487.6	670.90	11.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	135	326,442	13,708.1	18,008.2	4,300.10	31.4%
Hàng cá nhân & Gia dụng	38	46,605	2,970.8	3,624.0	653.20	22.0%
Hóa chất	48	84,610	4,044.6	5,836.9	1,792.30	44.3%
Ngân hàng	18	761,668	36,125.5	50,276.4	14,150.90	39.2%
Ô tô và phụ tùng	12	15,592	399.6	491.6	92.00	23.0%
Tài nguyên Cơ bản	67	147,252	9,250.4	9,355.6	105.20	1.1%
Thực phẩm và đồ uống	81	628,840	20,481.1	24,791.9	4,310.80	21.0%
Truyền thông	25	12,127	198.0	288.6	90.60	45.8%
Viễn thông	5	51,882	1,142.0	(30.7)	(1,172.70)	-102.7%
Xây dựng và Vật liệu	185	151,613	10,886.4	8,399.9	(2,486.50)	-22.8%
Y tế	25	39,661	1,795.6	1,942.2	146.60	8.2%
Total	931	3,911,141	151,173.00	191,141.50	39,968.50	26.44%



Tổng hợp kết quả kinh doanh một số doanh nghiệp đạt kết quả tốt 9 tháng đầu năm:

Mã	Sàn NY	Giá	Vốn hóa	Doanh thu		Lợi Nhuận		EPS 4 quý	P/Bv	PE	ROA	ROE
		VND	Tỷ VND	9T.2018	% cùng kỳ	9T.2018	% cùng kỳ					
				Tỷ VND	lần	Tỷ VND	lần	VND	lần	lần	lần	lần
ABT	HOSE	42,200	485.2	308.0	8.1%	54.8	303.5%	5,789	1.49	7.29	11.1%	16.2%
ACB	HNX	29,300	36,541.9	0.0		3,771.8	139.5%	3,157	1.74	9.28	1.5%	24.6%
ACL	HOSE	30,150	687.4	1,190.3	34.3%	147.4	1141.7%	6,517	1.48	4.63	12.7%	34.9%
AMV	HNX	37,000	1,003.3	164.2	1466.2%	94.7	22817.7%	4,874	2.25	7.59	31.1%	34.6%
ANV	HOSE	25,900	3,228.4	2,734.7	30.0%	303.4	244.0%	2,796	2.58	9.26	11.5%	23.9%
APC	HOSE	37,000	436.8	125.7	15.9%	58.8	23.4%	6,836	1.47	5.41	24.7%	27.1%
ASM	HOSE	10,700	2,588.7	5,149.0	250.1%	957.1	44.0%	4,187	0.58	2.56	10.4%	21.2%
BWE	HOSE	20,750	3,112.5	1,591.4	27.5%	231.2	162.9%	2,099	0.80	9.89	2.7%	8.6%
BTT	HOSE	43,750	590.6	264.4	2.7%	36.2	42.1%	3,724	1.87	11.75	10.5%	15.4%
BWS	UPCOM	30,500	1,921.5	449.2		169.0	68.4%	3,413	2.60	8.94	26.1%	30.2%
CAV	HOSE	55,500	3,196.8	6,029.5	20.8%	291.9	50.5%	6,485	2.05	8.56	10.9%	26.6%
STK	HOSE	19,500	1,168.8	1,780.9	24.4%	131.4	162.8%	2,706	1.36	7.21	7.8%	19.8%
CKD	UPCOM	14,800	458.8	851.1	-6.2%	106.0	453.7%	5,258	0.99	2.81	17.8%	37.8%
CLC	HOSE	34,800	912.0	1,446.6	7.3%	105.8	49.6%	5,345	1.48	6.51	14.2%	22.7%
CMX	HOSE	12,300	162.6	802.9	16.1%	58.9	739.4%	4,987	1.39	2.47	8.3%	83.5%
CNG	HOSE	27,100	731.7	1,320.6	36.7%	83.8	36.4%	4,218	1.56	6.42	14.6%	23.3%
CSC	HNX	29,500	295.0	243.3	52.9%	118.8	190.5%	14,721	0.88	2.00	22.9%	49.5%
CTI	HOSE	25,550	1,609.7	709.1	-17.9%	105.5	53.7%	2,427		10.53	3.6%	10.6%
CTR	UPCOM	21,900	1,059.7	3,106.9	42.3%	107.0	124.7%	3,134	1.35	6.99	7.3%	20.1%
DPG	HOSE	45,000	1,350.0	917.7	29.6%	85.3	31.0%	5,083	1.40	8.85	3.7%	16.6%
DGC	HNX	47,500	5,120.6	4,327.3	58.2%	620.6	298.6%	6,893	1.85	6.89	21.0%	28.9%
DGW	HOSE	23,600	958.2	4,382.7	62.6%	78.3	31.9%	2,504	1.43	9.42	6.6%	14.3%
DHC	HOSE	40,200	1,385.3	679.4	18.2%	103.7	147.6%	4,026	1.71	9.99	9.1%	18.3%
DHT	HNX	40,300	759.4	1,281.8	17.9%	60.2	20.9%	4,447	2.81	9.06	13.8%	32.8%
DNH	UPCOM	20,700	8,743.7	1,596.3	31.6%	801.0	104.3%	2,399	1.56	8.63	13.1%	18.4%
DVP	HOSE	45,500	1,820.0	466.9	1.0%	226.0	21.0%	7,226	1.65	6.30	25.1%	28.0%
DXG	HOSE	25,550	8,937.9	3,236.6	93.1%	750.2	23.9%	3,042	1.57	8.40	8.9%	20.6%
DP3	HNX	82,000	557.6	361.9	44.4%	81.0	206.2%	14,072	2.82	5.83	39.0%	55.3%
FPT	HOSE	41,850	25,677.3	16,261.1	-46.1%	1,828.2	24.4%	5,305	1.92	7.89	12.4%	23.5%
FRT	HOSE	71,100	4,834.8	11,032.5	19.5%	227.4	29.7%	5,031	4.92	14.13	8.4%	37.8%
FOX	UPCOM	51,000	11,532.6	6,478.1	15.9%	795.5	22.4%	4,361	3.21	11.69	10.5%	26.5%
GAS	HOSE	99,800	191,012.2	56,613.9	19.2%	8,879.8	68.3%	6,557	4.36	15.22	19.5%	28.2%
GEX	HOSE	25,800	10,489.3	10,049.3	15.9%	724.9	114.3%	2,603	1.39	9.91	5.9%	12.6%

GIL	HOSE	37,500	715.3	1,607.4	15.3%	88.7	153.9%	8,997	0.84	4.17	10.6%	28.6%
GMD	HOSE	27,700	8,224.8	1,998.5	-30.3%	1,675.1	22.7%	6,458	1.35	4.29	18.2%	28.3%
GSP	HOSE	13,650	409.5	1,234.1	37.4%	48.7	31.0%	2,148	1.06	6.35	11.4%	16.6%
HEM	UPCOM	21,900	805.9	326.2	-26.9%	66.4	180.3%	2,370	1.41	9.24	10.8%	15.3%
HJS	HNX	23,000	483.0	131.6	5.1%	38.8	33.3%	2,209	1.64	10.41	10.1%	15.8%
HMC	HOSE	14,450	303.5	2,867.7	41.5%	72.4	42.9%	5,151	0.79	2.81	10.1%	29.0%
HTC	HNX	25,600	281.6	1,622.6	26.1%	30.7	53.1%	3,566	1.23	7.18	7.7%	16.7%
HVT	HNX	47,500	521.9	712.9	20.6%	65.5	96.2%	9,085	2.43	5.23	21.4%	50.3%
IMP	HOSE	50,700	2,504.7	810.1	7.9%	99.3	21.3%	2,585	1.78	19.61	7.5%	8.9%
KSB	HOSE	29,450	1,516.1	776.3	4.9%	212.7	28.3%	5,796	1.70	5.08	14.3%	35.6%
L14	HNX	35,900	538.5	177.7	-20.5%	64.5	52.7%	7,427	1.85	4.83	23.1%	39.2%
LGL	HOSE	7,170	358.5	763.1	432.5%	48.4	516.8%	3,203	0.51	2.24	5.8%	23.4%
MBB	HOSE	21,500	46,449.7	0.0		4,801.4	47.4%	2,341	1.44	9.18	1.6%	16.2%
MCH	UPCOM	86,000	52,452.7	11,659.2	32.6%	2,483.7	49.3%	5,527	6.02	15.56	19.8%	32.8%
VET	UPCOM	63,900	1,019.8	650.4	2.1%	57.2	961.7%	5,400	2.99	11.83	8.0%	27.3%
NBC	HNX	6,300	233.1	1,552.1	44.3%	37.7	55.9%	2,414	0.53	2.61	3.1%	19.5%
NDN	HNX	13,800	613.2	161.7	28.8%	32.9	35.9%	2,624	1.08	5.26	10.8%	20.3%
NED	UPCOM	10,200	413.1	186.3		57.7	96.3%	2,025	1.30	5.04	6.4%	29.2%
NRC	HNX	43,300	519.6	139.5		55.3	249.9%	6,200	3.33	6.98	23.8%	40.7%
NLG	HOSE	28,550	6,040.5	2,740.5	67.4%	635.1	901.7%	4,378	1.27	6.52	9.9%	19.9%
NNC	HOSE	51,600	1,131.1	437.5	2.7%	151.6	32.1%	9,014	2.96	5.72	35.7%	43.3%
NTC	UPCOM	74,100	1,181.4	120.8	18.8%	144.2	139.1%	11,775	2.80	6.29	6.1%	47.6%
PAC	HOSE	44,500	2,068.0	2,296.8	10.6%	108.6	105.5%	2,923	3.74	15.22	6.8%	21.4%
PC1	HOSE	23,500	3,120.1	3,578.2	55.5%	410.9	125.3%	3,544	0.97	6.63	7.3%	15.6%
PGC	HOSE	14,200	856.8	2,440.7	14.5%	116.6	36.3%	2,720	1.11	5.22	7.5%	21.0%
PGD	HOSE	38,300	3,446.9	6,004.1	20.8%	197.0	23.9%	3,132	2.69	12.23	9.2%	19.6%
PHC	HOSE	14,000	327.7	1,940.1	44.8%	38.9	161.1%	2,081	0.79	6.73	2.7%	13.4%
PHR	HOSE	29,200	3,956.6	884.0	-21.1%	390.6	61.3%	3,509	1.44	8.32	10.6%	18.4%
PNJ	HOSE	96,200	15,597.7	10,507.7	35.5%	694.4	40.9%	5,651	5.34	17.02	18.5%	28.4%
QPH	UPCOM	25,900	481.3	84.7	2.2%	42.3	115.8%	2,433	1.61	10.65	10.7%	15.6%
SAF	HNX	60,000	475.1	752.4	5.4%	30.6	24.1%	4,993	4.88	12.02	21.3%	33.8%
SGN	HOSE	133,400	3,196.9	949.0	16.3%	210.5	30.9%	10,587	5.06	12.60	32.3%	44.9%
SDG	HNX	31,900	216.9	524.2	198.9%	36.3	465.2%	5,042	0.67	6.33	6.8%	15.5%
SFI	HOSE	28,300	333.9	647.1	22.2%	44.1	59.0%	4,016	0.88	7.05	7.7%	12.6%
SRA	HNX	48,800	97.6	185.9	1942.9%	59.5	7383.7%	34,684	1.11	1.41	86.8%	139.6%
SSI	HOSE	28,500	14,226.4	2,794.7	49.3%	1,094.9	74.4%	2,540	1.50	11.22	6.9%	15.9%
SVC	HOSE	45,200	1,128.9	9,631.7	-5.4%	112.5	326.8%	5,680	0.84	7.96	4.0%	10.7%
AST	HOSE	65,000	2,340.0	642.0	33.8%	119.1	36.9%	4,346	4.64	14.96	23.9%	31.9%
TCB	HOSE	27,000	94,408.0	0.0		6,209.2	20.7%	2,611	1.94	10.34	3.0%	21.7%
TCM	HOSE	25,150	1,361.4	2,826.8	15.4%	212.6	85.5%	4,319	1.31	5.82	7.7%	20.7%
TCT	HOSE	57,100	730.2	157.3	12.6%	75.0	106.4%	6,082	2.35	9.39	25.0%	26.9%
TCW	UPCOM	16,800	253.1	486.7	-1.4%	41.7	21.0%	3,577	0.78	4.70	8.3%	16.6%
TMP	HOSE	33,500	2,345.0	626.8	15.8%	313.6	35.1%	5,526	1.89	6.06	26.8%	33.8%
TMS	HOSE	22,900	1,088.0	1,736.5	24.2%	165.4	86.4%	4,184	0.63	5.47	6.8%	13.0%
TNG	HNX	17,700	873.3	2,726.6	47.6%	130.5	38.0%	3,203	1.20	5.53	6.2%	23.4%
TPB	HOSE	25,000	16,645.7	0.0		1,290.1	101.1%	2,517	1.66	9.93	1.2%	18.2%
TVS	HOSE	13,750	851.9	338.4	24.7%	104.1	431.1%	2,563	1.05	5.36	7.0%	19.4%
UIC	HOSE	30,100	240.8	1,872.8	10.9%	41.7	36.3%	6,485	0.90	4.64	11.8%	19.9%
VCB	HOSE	55,500	199,676.2	0.0		9,365.3	36.9%	3,359	3.35	16.52	1.2%	21.0%
VEA	UPCOM	34,300	45,599.1	4,681.9	12.2%	4,843.7	27.3%	3,797	2.46	9.03	0.0%	0.0%
VHC	HOSE	100,300	9,257.9	6,569.3	9.6%	1,036.0	260.5%	13,203	2.52	7.60	23.0%	38.3%
VIB	UPCOM	26,500	14,064.4	0.0		1,376.5	134.5%	3,736	1.50	7.09	1.5%	21.2%

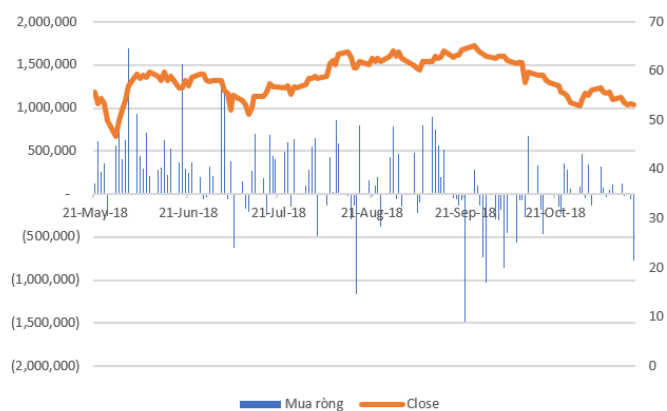
TVT	HOSE	22,100	464.1	1,825.8	-9.0%	80.1	42.8%	4,819	0.64	4.59	6.1%	14.2%
VJC	HOSE	132,000	71,492.7	33,934.8	50.1%	3,681.3	74.1%	10,037	5.74	13.15	16.3%	47.5%
VIX	HNX	9,200	744.9	363.0	50.6%	204.6	2528.0%	3,022	0.68	3.04	17.9%	24.5%
VMC	HNX	22,300	446.0	1,101.8	37.6%	67.2	359.4%	24,799	0.74	0.90	17.1%	86.0%
VSA	HNX	18,000	253.7	656.6	9.2%	39.1	42.3%	4,193	0.80	4.29	8.9%	16.8%
VPG	HOSE	23,500	540.5	1,320.0		54.8	135.4%	2,778	1.75	8.46	3.9%	22.6%
VRC	HOSE	23,000	1,150.0	33.2	932.1%	175.3	1639.3%	4,512	1.26	5.10	20.0%	27.3%
VCW	UPCOM	33,400	2,505.0	333.0	10.0%	153.2	31.4%	2,669	2.70	12.51	18.2%	22.6%



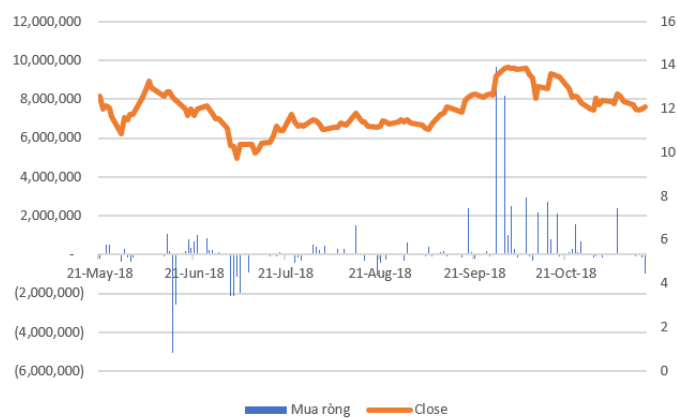
Thông tin giao dịch nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL Mua	KL Bán	Room NN (đang nắm giữ)	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VCB	HOSE	54.8	961,120	16.31	3.20	31,300	229,000	747,303,531	197,158	20.8%	3,359	17,101
CTG	HOSE	22.95	3,322,210	11.12	1.22	-	40,000	1,117,021,366	85,452	30.0%	2,064	18,777
BID	HOSE	31.85	1,866,110	13.08	2.03	681,290	195,500	95,415,262	108,886	2.8%	2,435	15,713
MBB	HOSE	21.2	4,230,020	9.06	1.38	-	-	432,090,274	45,802	20.0%	2,341	15,371
TCB	HOSE	26.5	925,350	10.57	1.87	23,860	23,860	787,033,936	92,660	22.5%	2,507	14,151
VPB	HOSE	22.45	5,004,240	8.31	1.78	-	-	570,052,382	55,154	23.2%	2,703	12,643
STB	HOSE	12.4	4,899,780	17.54	0.98	1,270,000	17,560	229,442,120	22,365	12.7%	707	12,614
EIB	HOSE	13.45	100,780	12.26	1.09	200	50,000	369,407,657	16,536	30.0%	1,097	12,292
HDB	HOSE	30.8	15,279,180	12.53	1.89	739,730	43,500	264,730,614	30,215	27.0%	2,458	16,264
TPB	HOSE	28.1	1,262,510	12.25	1.85	-	-	145,468,410	18,710	21.8%	2,294	15,185
SHB	HNX	7.5	3,972,069	5.74	0.56	13,000	-	114,255,097	9,023	9.5%	1,306	13,338
ACB	HNX	29.4	4,429,313	7.59	1.70	-	-	386,576,321	36,667	31.0%	3,875	17,336
NVB	HNX	10.2	1,225,300	108.61	0.96	-	-	98,275	3,036	0.0%	94	10,665
LPB	UPCOM	9.5	2,656,365	6.92	0.71	20,000	33	37,238,676	7,125	5.0%	1,374	13,423
BAB	UPCOM	20.5	7,300	16.42	1.64	-	-	1,138,530	11,275	0.2%	1,248	12,503
VIB	UPCOM	19.3	106,280	5.44	1.08	3,900	-	115,710,712	10,278	21.7%	3,548	17,928
KLB	UPCOM	10	1,500	13.95	0.88	-	-	57,001,000	3,199	17.8%	717	11,424

Mua bán ròng khối ngoại - VCB



Mua bán ròng khối ngoại - STB



HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Cổ phiếu Quan tâm

Top tăng giá HOSE

HTT	2.45
FIR	2.54
CCL	2.77
VPB	2.98
VCI	3.04
TRC	3.15
IDI	3.18
FCM	4.20
TPB	4.46
APG	4.50
SBV	6.19
VHG	6.52
DHM	6.86
YBM	6.96

Top tăng giá HNX

DS3	2.63
ICG	3.45
SDT	3.57
S99	4.55
CEO	4.65
SDD	6.06
SCI	7.35
TST	8.93
UNI	9.21
CSC	9.79
DTD	9.88
SRA	9.92
PVX	10.00

SII - Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn – Đã thông qua kết quả kinh doanh ước tính năm 2018 với doanh thu đạt 527 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 61,6 tỷ đồng. HĐQT SII cũng dự kiến kế hoạch năm 2019 với doanh thu đạt 461,5 tỷ đồng, giảm 12%; lợi nhuận sau thuế 68,5 tỷ đồng, tăng 11% so với ước thực hiện năm 2018.

ANV - CTCP Nam Việt (Navico) – Đã công bố cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 10 tháng với doanh thu xuất khẩu đạt 114,7 triệu USD, trong đó thị trường Trung Quốc chiếm 21,8 triệu USD, tương ứng chiếm 19%.

KSH - Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH - Đã thông qua quyết định chuyển nhượng vốn tại các công ty con. Dựa theo giá bán cổ phần dự kiến của KSH thì tổng giá trị của đợt thoái vốn ước tính lên đến 284 tỷ đồng.

DXG - CTCP Tập đoàn Đất Xanh - Dự kiến lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc phát hành 1.400 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi. Kỳ hạn trái phiếu 5 năm kể từ ngày phát hành, lãi suất không cao hơn 7%/năm và bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm. Dự kiến phát hành trong quý I hoặc II/2019.

VHC - CTCP Vĩnh Hoàn - Ngày 07/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức năm 2018, ngày đăng ký cuối cùng là 10/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 20/12/2018.

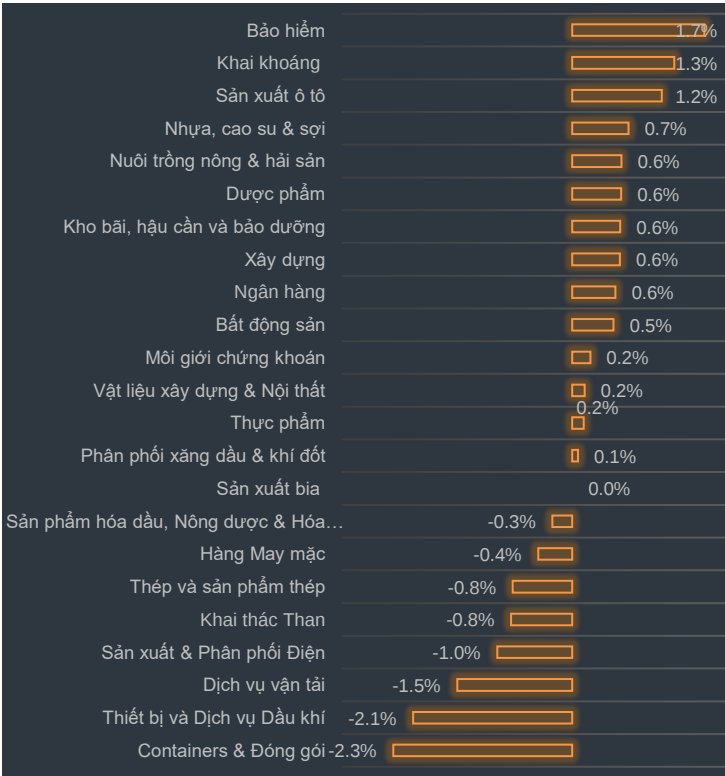
LDG - Công ty cổ phần Đầu tư LDG (LDG Group) – Đã tổ chức ký kết hợp đồng chuyển nhượng dự án Khu nghỉ dưỡng và biệt thự cao cấp Grand World tại Phú Quốc. Thương vụ này mang về cho LDG Group nguồn vốn gần 1.200 tỷ đồng.

HPG - CTCP Tập đoàn Hòa Phát - Đã thông qua việc tăng tổng cộng 5.500 tỷ đồng vào các công ty con. Trong đó, 5.000 tỷ đồng dành riêng cho Dự án Khu liên hợp Gang thép Dung Quất.

PDN - CTCP Cảng Đồng Nai - Ngày 10/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 ngày đăng ký cuối cùng là 11/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 25/12/2018.

CTF - CTCP City Auto – Đã thông qua việc chào bán 21,6 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông vào 04/12/2018 Thời gian đăng ký mua từ ngày 12/12/2018 đến 08/1/2019.

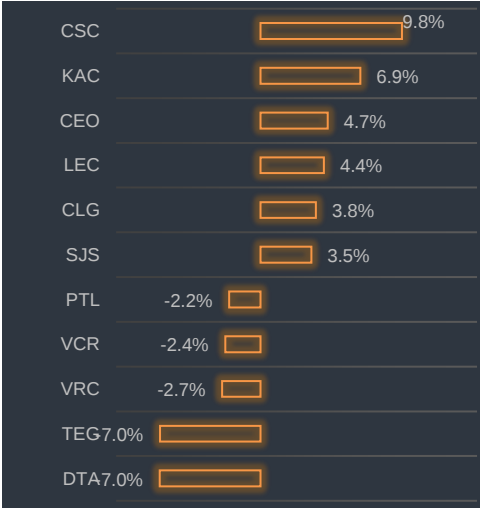
Tăng giảm ngành trong ngày



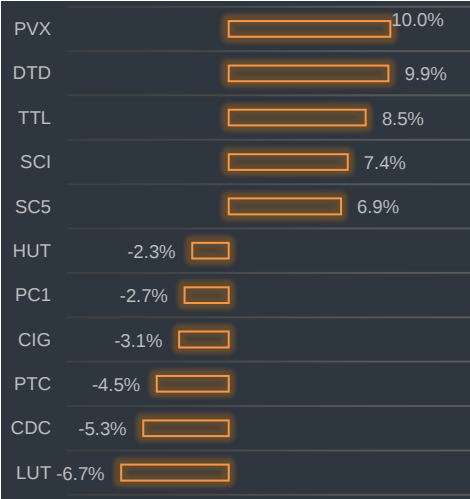
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:	CSC, KAC, CEO
Xây dựng:	PVX, DTD, TTL
Dầu khí:	SFC, PGS, PVG
Chứng khoán:	APG, IVS, VCI
Ngân hàng:	TPB, VPB, HDB

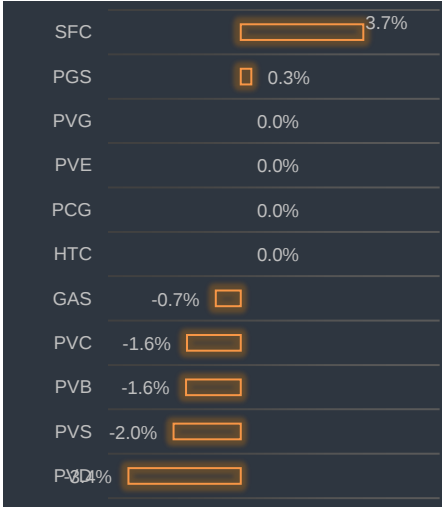
Bất động sản



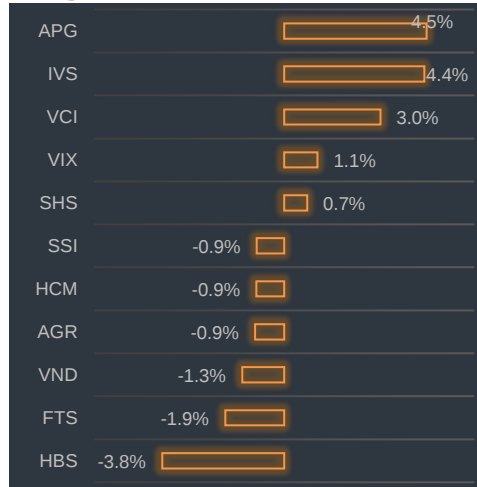
Xây dựng



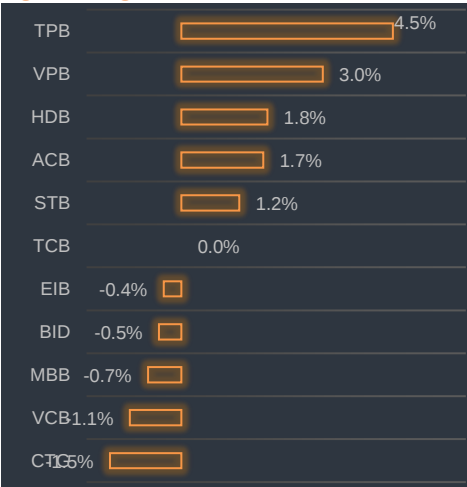
Dầu khí



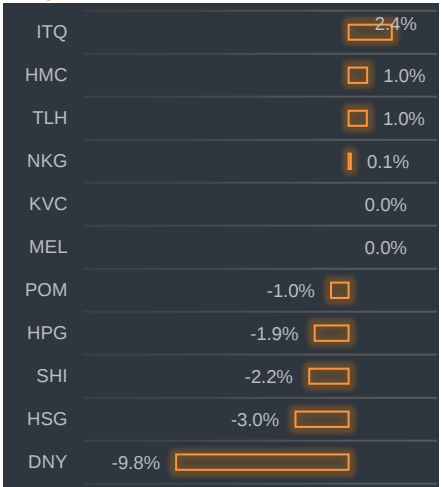
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
Tel: 0983.999.350
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh Sài Gòn

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931